

Số: 82/2018/QĐST-HNGĐ

S, ngày 08 tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 172/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Anh A, sinh năm 1984
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu
- Bị đơn: Chị B, sinh năm 1984
Địa chỉ: Ấp Q, xã R, huyện S, tỉnh Bạc Liêu

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 26/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016);

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh A và chị B.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về hôn nhân: Anh A và chị B thuận tình ly hôn.
 - Về con chung: Anh A và chị B thống nhất giao cháu C, sinh ngày 24/6/2006 cho anh A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu D, sinh ngày 15/5/2007 cho chị B tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (Cháu C đang sống chung với anh A, cháu D đang sống chung với chị B). Anh A không trực tiếp nuôi cháu C, chị

B không trực tiếp nuôi cháu D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh A và chị B không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh A và chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Anh A và chị B không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được giảm 50% do hòa giải thành bằng 150.000 đồng. Anh A và chị B mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Anh A tự nguyện chịu nộp toàn bộ án phí 150.000 đồng, anh A đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009483 ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S nên được đối trừ chuyển thu án phí 150.000 đồng, anh A được hoàn lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện S;
- THADS huyện S;
- UBND xã R, huyện S, Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN
ĐÃ KÝ**

Nguyễn Thị Thu Hương